

Tác động từ trợ cấp nội địa nông nghiệp đến việc làm, thu nhập của người nông dân Việt Nam sau khi trở thành thành viên của WTO

Th.s Phạm Hương Thảo, GS.TS. Hoàng Đức Thân

Đại học Kinh tế Quốc dân

Trợ cấp nội địa trong nông nghiệp, hay còn gọi là hỗ trợ trong nước đối với hoạt động nông nghiệp, bao gồm những biện pháp, chính sách được chính phủ sử dụng để hỗ trợ người nông dân tiến hành sản xuất và tiêu thụ nông sản theo quy định của tổ chức thương mại thế giới (WTO). Chính sách hỗ trợ trong nước được WTO chia thành 4 nhóm, bao gồm: Chính sách Hộp xanh lá cây, Hộp xanh lơ, Hộp hổ phách và Hộp phát triển. Là một nước đang phát triển, Việt Nam chỉ sử dụng 3/4 nhóm chính sách hỗ trợ nông nghiệp mà WTO ban hành. Nói cách khác, chính sách Hộp Xanh lơ chưa được áp dụng cho Việt Nam bởi đây là chính sách không dành cho một quốc gia đang phát triển.

Bài viết này khái quát các chính sách hỗ trợ trong nước đối với hoạt động nông nghiệp và tác động của nó đến việc làm, thu nhập của người nông dân sau khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO, chỉ ra những thành quả ban đầu và những bất cập đang tồn tại cần được xử lý.

Từ khóa: Trợ cấp nội địa, Chính sách Hộp xanh lá cây, Hộp xanh lơ, Hộp hổ phách, Hộp phát triển, việc làm, thu nhập

1. Trợ cấp nội địa trong nông nghiệp ở Việt Nam giai đoạn 2007- 2010

1.1. Chính sách Hộp Xanh lá cây- các biện pháp hỗ trợ không bóp méo hoạt động thương mại, đồng thời không trợ giá đối với hoạt động nông nghiệp theo quy định của WTO. Từ 2007 đến nay, chính phủ Việt Nam ngày càng tập trung vào các hoạt động hỗ trợ việc phát triển hệ thống giao thông nông thôn, các hoạt động nghiên cứu và phát triển kết hợp với công tác khuyến nông góp phần phổ biến kỹ thuật canh tác và giống cây trồng, vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao... Theo báo cáo từ Dự án Chia Sẻ, ngân sách mà chính phủ Việt Nam dành cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các dự án khuyến nông- lâm- ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển làng nghề... tăng dần qua các năm sau khi trở thành thành viên của WTO. Và cũng theo báo cáo này, nếu các dự án phát triển cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được ngân sách đầu tư nhiều tiền nhất, thì các dự án khuyến nông- lâm- ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển làng nghề lại có tốc độ đầu tư tăng cao nhất.

1.2. Chính sách Hộp Hổ phách - các trợ cấp gây

ra những bóp méo thương mại. Trước năm 2007, hầu hết các biện pháp hỗ trợ cho sản phẩm cụ thể của Việt Nam tập trung dưới hình thức hỗ trợ giá thị trường, và tập trung chủ yếu vào bốn nhóm hàng nông sản chính: gạo, mía đường, bông và thịt lợn. Từ sau năm 2007, hình thức của các chính sách, biện pháp hỗ trợ thuộc Hộp Hổ phách của Việt Nam đã có sự thay đổi đáng kể. Gạo và thịt lợn không nằm trong nhóm đối tượng nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Với bông, thay vì yêu cầu các doanh nghiệp phải cam kết mua bông hạt của nông dân với mức giá tối thiểu mà không có cơ chế bù lỗ cho doanh nghiệp, nay Nhà nước thành lập Quỹ Phòng ngừa rủi ro thiên tai và tiếp thị để chia sẻ gánh nặng với doanh nghiệp.

1.3. chính sách thuộc Hộp Đối xử Đặc biệt và khác biệt - Hỗ trợ “đầu vào” cho sản xuất nông nghiệp cho nông dân nghèo hoặc các vùng khó khăn. Đây là sự ưu đãi đặc biệt và khác biệt dành cho các nước đang phát triển. Trong những giai đoạn kinh tế khó khăn như năm 2009, Chính phủ Việt Nam đã ban hành một loạt các văn bản quan trọng liên quan đến vấn đề trợ giúp tài chính nhằm giúp các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, trong đó có cả các đối tượng hoạt động trong nông lâm

Bảng 1: Phân bổ ngân sách từ Trung ương cho mỗi chính sách/dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo

Chính sách/dự án ¹⁵	Tổng ngân sách được duyệt	Ngân sách được phân bổ (2006-2008)			Tổng số	Tỷ lệ hoàn thành theo kế hoạch	Ngân sách đề xuất cho năm 2009
		2006	2007	2008			
Tổng số	2,140	141.5	221.9	333.1	696.5	32.54	769.5
Dự án phát triển cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	1,300	78.5	109.9	191.1	379.5	29	409.5
Dự án khuyến nông-lâm-ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề	400	39	42	50	131	33	180
Dự án dạy nghề cho người nghèo	200	-	30	50	80	40	100
Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo	40	6	7	8.8	21.8	54.5	15
Dự án nâng cao năng lực giảm nghèo	135	18	20	20	58	43	40
Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo	25	-	6	6	12	48	10
Giám sát đánh giá	40	-	7	7.2	14.2	35.5	15
Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo		750	950	1000	2,700		
Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo		938.5	1,635	1,950	4,523.5		
Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo		105					

Nguồn: Dự án Chia Sẻ 2008

thủy sản và làm muối, vượt qua những khó khăn của thời kỳ khủng hoảng kinh tế. Có thể kể đến các chính sách như: Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23/01/2009, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép hỗ trợ lãi suất 4% trong khoảng thời gian từ ngày 01/02 đến ngày 31/12/2009. Sau đó, theo Quyết định 443/QĐ-TTg ngày 4/4/2009, việc hỗ trợ lãi suất được thực hiện từ ngày 01/4/2009 đến 31/12/2011; Quyết định số 479/QĐ-TTg ngày 17/4/2009, về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật tư xây dựng nhà ở khu vực nông thôn.

2. Việc làm và thu nhập của người nông dân Việt Nam sau bốn năm gia nhập WTO

2.1. Vấn đề việc làm

Sau khi gia nhập WTO, nguồn vốn cam kết ODA dành cho Việt Nam nói chung, cho ngành nông nghiệp nói riêng tăng lên đáng kể, bên cạnh đó chuyển giao công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, hỗ trợ công cuộc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và nông thôn theo hướng phá thế độc canh cây lúa, đa dạng hoá các sản phẩm nông nghiệp theo yêu cầu của thị trường, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp nông thôn Việt Nam. Sự hỗ trợ về vốn và chuyển giao công nghệ tạo điều kiện thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu

ngành nghề ở khu vực nông thôn theo hướng tích cực: giảm số lượng và tỷ trọng nhóm hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản; tăng số lượng và tỷ trọng nhóm hộ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Tính đến 01/7/2011, cả nước có 10,36 triệu hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 106 nghìn hộ (1,0%) so với năm 2006 – đây là xu hướng tích cực trong hoạt động sản xuất ở nước ta. Tuy nhiên, xu hướng tăng, giảm rất khác nhau và không đồng đều giữa các vùng. Số hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản ở 3/6 vùng tăng so với năm 2006: Tây Nguyên tăng mạnh nhất, tăng 115 nghìn hộ (+15,3%) so với năm 2006, Trung du và miền núi phía Bắc tăng trên 93 nghìn hộ (+5,1%) và Vùng Đồng bằng sông Cửu Long tăng 0,2%. Ba vùng có số hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm là: Đồng bằng sông Hồng giảm nhiều nhất với mức giảm 255 nghìn hộ (-11,4%); Đông Nam Bộ giảm 2,3%; và vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung giảm 1,8%. Trong nội bộ nhóm hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản, từng loại hộ có xu hướng chuyển dịch khác nhau: Hộ nông nghiệp giảm đi trong khi hộ lâm nghiệp và thủy sản có tăng lên tương ứng.

2.2. Vấn đề thu nhập

Các biện pháp trợ cấp nội địa nông nghiệp của chính phủ Việt Nam theo cam kết khi gia nhập WTO

Bảng 2: Tình hình dư nợ cho vay ưu đãi giai đoạn 2008 – 2010

STT	Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Chênh lệch (%)	
					2008-2009	2009-2010
1	Cho vay hộ nghèo	27456	32401	36417	18,01	12,39
	Trong đó hộ nghèo là nông dân	21965	25921	29134		
2	Cho vay HSSV	9741	18231	26051	87,16	42,90
3	Cho vay giải quyết việc làm	3532	4025	4547	13,96	13,00
4	Cho vay NS&VSM TNT	3544	5497	6957	55,10	26,56
5	Cho vay XKLD	796	791	821	-0,66	3,79
6	Cho vay HGD ĐBDTTS V ĐBK	217	359	422	65,62	17,56
7	Cho vay hộ SXKD ở vùng ĐBK	6250	9248	9674	47,98	4,60
8	Cho vay mua nhà trả chậm	556	580	598	4,33	3,12
	Tổng số	76882	100273	118258		

Nguồn: Tạp chí Kinh tế & Phát triển - Chuyên san 6/2011 và ước tính của tác giả

đã không chỉ duy trì sự gia tăng về sản lượng, mà còn thúc đẩy gia tăng các sản lượng nông sản xuất khẩu đem lại giá trị kinh tế cao ở thị trường quốc tế như gạo, cà phê, cao su... Những mặt hàng nông sản xuất khẩu này đem lại cho Việt Nam hơn 6 tỷ USD trong năm 2010.

Sự gia tăng về giá trị nông sản xuất khẩu góp phần gia tăng giá trị đóng góp của ngành nông nghiệp trong GDP. Do đó, tác động trực tiếp đến gia

tăng thu nhập bình quân cho người nông dân Việt Nam. Năm 2010, thu nhập bình quân người dân nông thôn là hơn 1 triệu đồng/người/tháng trong đó thu nhập của người nông dân khoảng 800 nghìn đồng/người/tháng.

3. Một số khuyến nghị

Tuy có sự biến đổi tích cực về thu nhập và điều kiện sống tuy nhiên vẫn còn khoảng 16% dân cư

Bảng 3: So sánh hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản qua 2 thời kỳ tổng điều tra năm 2006 và năm 2011

	Tổng số		Hộ nông nghiệp		Hộ lâm nghiệp		Hộ thủy sản	
	2006	2011	2006	2011	2006	2011	2006	2011
Số lượng (hộ)								
Cả nước	10462367	10356357	9740160	9583846	34223	56229	687984	716282
Đồng bằng sông Hồng	2248026	1992870	2169691	1911897	2956	3960	75379	77013
Trung du và miền núi phía Bắc	1813564	1906896	1799031	1886139	8161	11635	6372	9122
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	2669079	2620486	2438606	2366285	13339	32332	217134	221869
Tây Nguyên	751647	866623	749966	864746	995	1368	686	509
Đông Nam Bộ	616638	602520	588512	573497	2027	2236	26099	26787
ĐB sông Cửu Long	2363413	2366962	1994354	1981282	6745	4698	362314	380982
Tốc độ tăng, giảm so với năm 2006 (%)								
Cả nước	100,0	99,0	100,0	98,4	100,0	164,3	100,0	104,1
Đồng bằng sông Hồng	100,0	88,6	100,0	88,1	100,0	134,0	100,0	102,2
Trung du và miền núi phía Bắc	100,0	105,1	100,0	104,8	100,0	142,6	100,0	143,2
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	100,0	98,2	100,0	97,0	100,0	242,4	100,0	102,2
Tây Nguyên	100,0	115,3	100,0	115,3	100,0	137,5	100,0	74,2
Đông Nam Bộ	100,0	97,7	100,0	97,4	100,0	110,3	100,0	102,6
ĐB sông Cửu Long	100,0	100,2	100,0	99,3	100,0	69,7	100,0	105,2

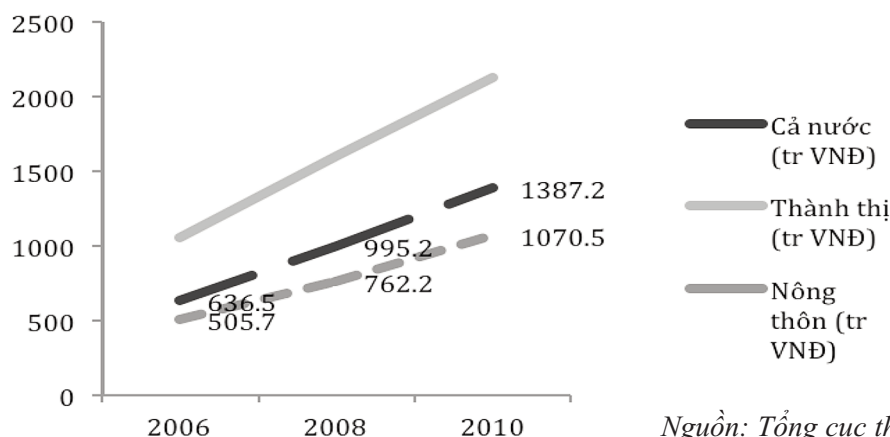
Nguồn: Tổng cục thống kê 2011

Bảng 4: Một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chính từ năm 2007 – 2010

Năm/Sản phẩm	Gạo		Cà phê		Cao su		Hạt điều		Hạt tiêu	
	KL (tấn)	GT (tỷ USD)	KL (tấn)	GT (tỷ USD)	KL (tấn)	GT (tỷ USD)	KL (tấn)	GT (tỷ USD)	KL (tấn)	GT (tỷ USD)
2007	4.5	1.454	1.194	1.854	715	1.393	154	649	86	282
2008	4.72	2.902	1.004	2.022	645	1.597	165	920	90	313
2009	5.947	2.662	1.168	1.71	726	1.199	177	849	137	356
2010	6.828	3.212	1.173	1.763	783	2.376	194	1.136	117	425

Nguồn: Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê 2010

Hình 1: Thu nhập bình quân 1 nhân khẩu 1 tháng chia theo khu vực thành thị, nông thôn



Nguồn: Tổng cục thống kê 2011

nông thôn cho rằng họ các hỗ trợ của nhà nước vẫn không đem lại những chuyển biến tích cực cho cuộc sống của họ, thậm chí những trợ giúp này còn làm cuộc sống của họ trở nên khó khăn hơn. Chính vì vậy, trong giai đoạn tới với khuôn khổ ngân sách eo hẹp của Nhà nước, để biến những cơ hội to lớn mà việc gia nhập WTO mang lại cho Việt Nam thành kết quả thực tế, đồng thời giảm thiểu những tác động bất lợi có thể phát sinh, các chính sách hỗ trợ đề ra cần phải xử lý được những khó khăn, thách thức nổi bật nhất trong phát triển nông nghiệp trong nước và tạo điều kiện thúc đẩy chuyển đổi nền nông nghiệp Việt Nam trở thành một ngành kinh tế thương mại hàng hóa hiện đại với sự tham gia của hàng triệu hộ nông dân nhỏ lẻ. Trong quá trình cải cách nông nghiệp này, cần lưu ý tới những nguyên tắc chỉ đạo sau:

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Quang Anh, Nguyễn Thế Bình (2009), “Cơ hội và thách thức đối với hàng nông sản trong lộ trình hội nhập WTO”, Tạp chí Kinh tế và phát triển, (Số 146).
2. Đỗ Đức Bình (2009), “Thế chế kinh tế ở Việt Nam: Những bất cập chủ yếu so với cam kết với WTO và một số giải pháp hoàn thiện”, Tạp chí Kinh tế và phát triển, (Số 140).
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2010), Chiến lược phát triển nông nghiệp giai đoạn 2011 – 2020.
4. Tổng cục Thống kê (2011): Báo cáo sơ bộ kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011
5. Phạm Hương Thảo (2011): “Trợ cấp nông nghiệp khi Việt Nam là thành viên Tổ chức thương mại thế giới”, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân.